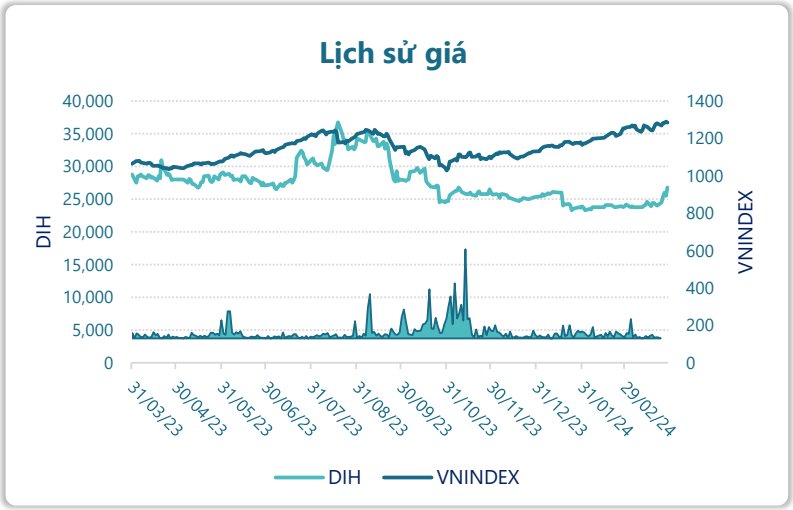
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An (HNX: DIH)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**26,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,748
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,300
SL cổ phiếu LH	5,994,962
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,125
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	161
P/E	-29.1
EPS	-923

DT thuần

Q1/24

2.28

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.66| -71.3%

YoY: ▼164| -98.6%

LN sau thuế

Q1/24

-1.16

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.2| 92.5%

YoY: ▼15.5| -108%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

7.4%

+/- YoY: ▲ 2.6%

DT thuần

2023

291

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 115| 65.5%

LN sau thuế

2023

14.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.06| 133%

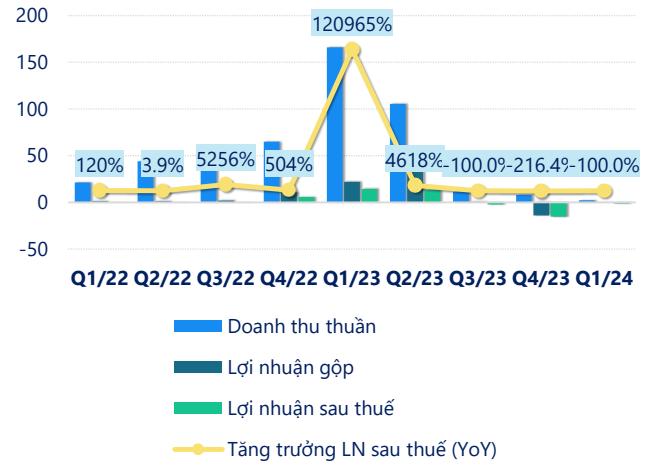
ROE

2023

14.0%

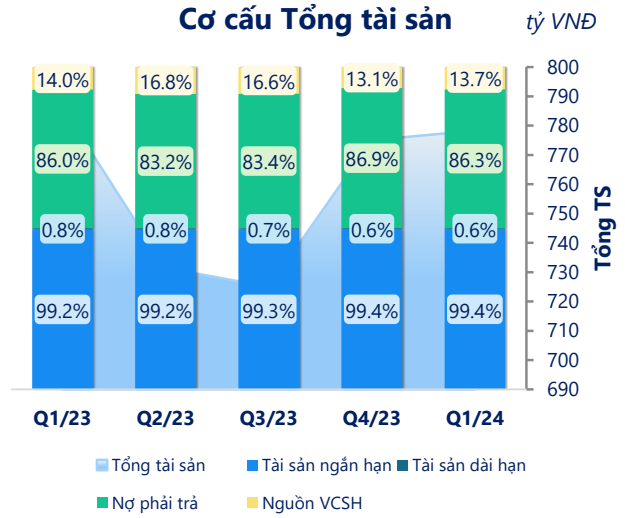
+/- YoY: ▲ 7.5%

Kết quả kinh doanh



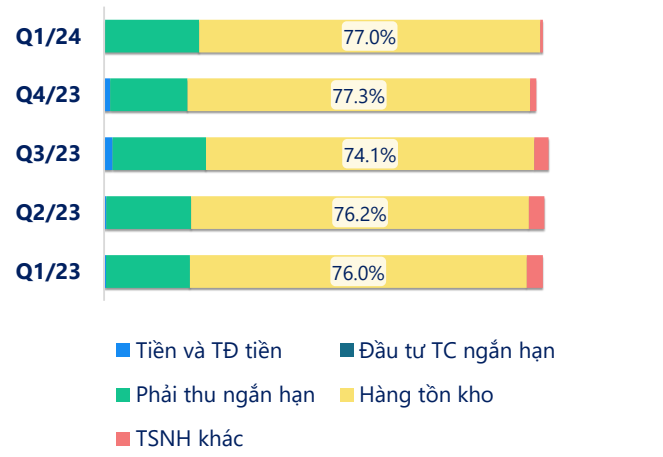
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



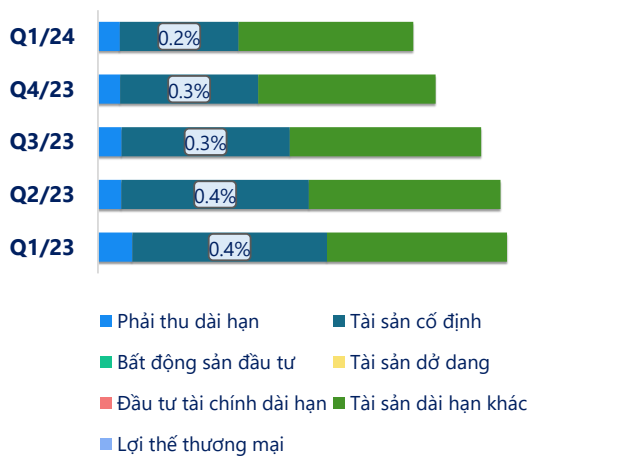
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



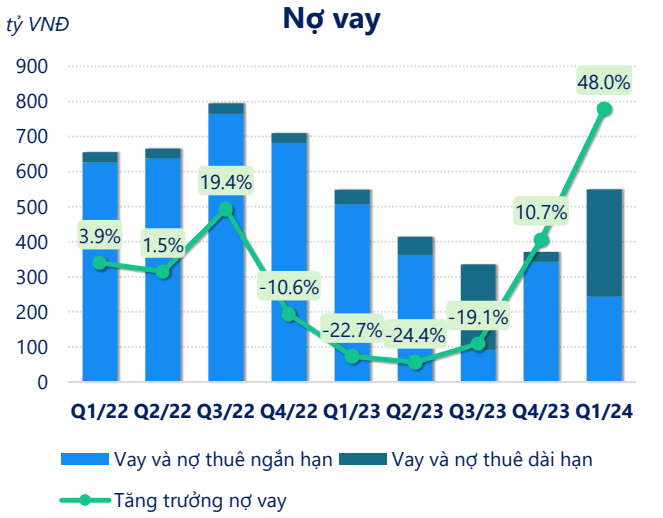
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



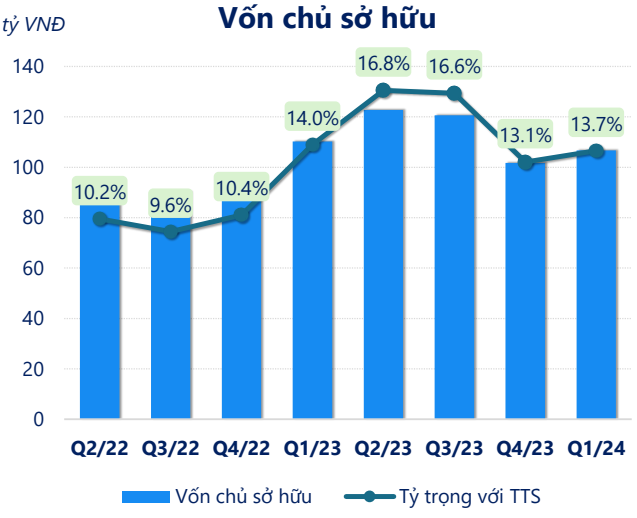
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



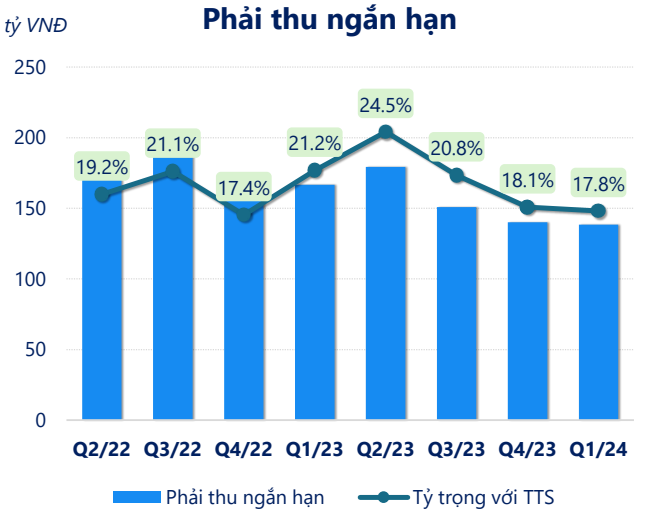
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



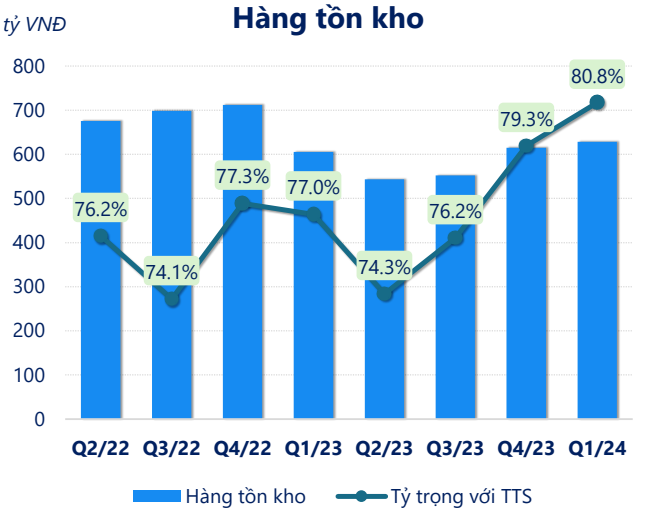
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



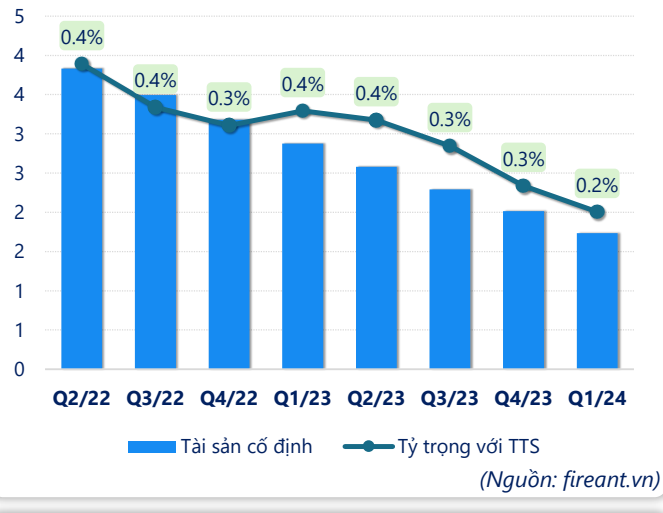
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



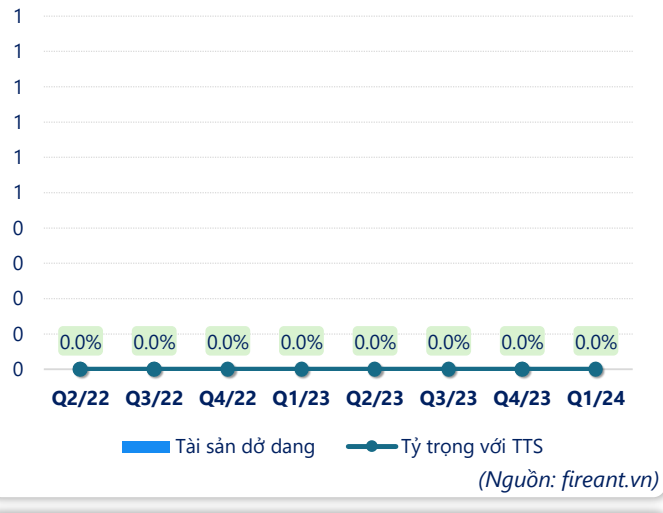
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



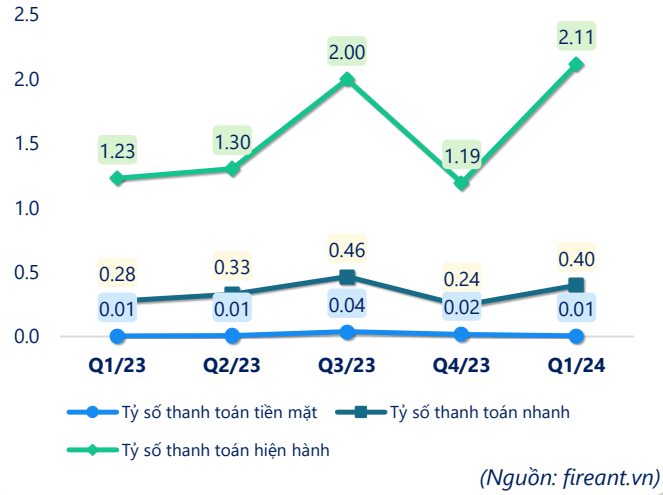
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



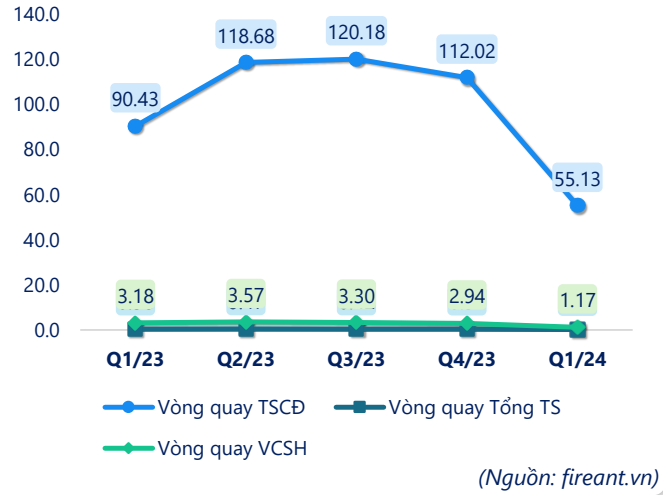
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**786**	**731**	**725**	**775**	**778**
Tài sản ngắn hạn	**780**	**726**	**720**	**770**	**774**
Tiền và tương đương tiền	3.62	3.55	13.6	10.6	1.97
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	167	179	151	140	138
Hàng tồn kho	605	543	552	615	629
Tài sản ngắn hạn khác	4.75	0	3.14	4.75	4.79
Tài sản dài hạn	**6.05**	**5.54**	**5.22**	**4.92**	**4.62**
Phải thu dài hạn	0.51	0.32	0.32	0.32	0.32
Tài sản cố định	2.88	2.58	2.29	2.01	1.74
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.66	2.64	2.61	2.58	2.56
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**676**	**609**	**604**	**673**	**672**
Nợ ngắn hạn	**634**	**557**	**361**	**645**	**366**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	507	363	91.6	343	243
Phải trả người bán ngắn hạn	44.7	34.2	31.0	29.2	26.2
Nợ dài hạn	41.6	51.9	244	27.9	306
Vay và nợ thuê dài hạn	41.6	51.9	244	27.9	306
Nguồn vốn chủ sở hữu	**110**	**123**	**121**	**102**	**107**
Vốn chủ sở hữu	**110**	**123**	**121**	**102**	**107**
Vốn điều lệ	59.9	59.9	59.9	59.9	59.9
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)